

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **490**/UBDT-HVDT

V/v hướng dẫn thực hiện Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày **17** tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 771/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025” (sau đây gọi tắt là Quyết định 771/QĐ-TTg), Ủy ban Dân tộc hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Đối tượng và phạm vi

Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp theo dõi công tác dân tộc, chuyên trách làm công tác dân tộc; cán bộ, công chức, viên chức công tác tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức cấp cơ sở tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số, gồm 4 nhóm đối tượng sau:

1.1. Nhóm đối tượng 1

- Thứ trưởng; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương trực tiếp theo dõi công tác dân tộc.

- Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh); Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ở địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

1.2. Nhóm đối tượng 2

- Cục trưởng, Vụ trưởng, Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

- Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương; Trưởng, Phó ban ngành trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Trưởng, Phó ban ngành trực thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư Đảng bộ trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy ở địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

1.3. Nhóm đối tượng 3

- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trực tiếp theo dõi công tác dân tộc.

- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp huyện; Trưởng, Phó ban ngành trực thuộc huyện ủy, thành ủy, thị ủy; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường nội trú, bán trú ở địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

1.4. Nhóm đối tượng 4

- Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, theo dõi về công tác dân tộc ở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã và bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; kỹ năng sử dụng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số. Góp phần thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, các bộ, ngành, địa phương xác định mục tiêu hằng năm và cả giai đoạn 2019-2025, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu theo quy định tại Khoản 2, Mục II, Điều 1 của Quyết định số 771/QĐ-TTg.

3. Hình thức bồi dưỡng

3.1. Kiến thức dân tộc

- Nhóm đối tượng 1 và nhóm đối tượng 2 tại các bộ, ngành; nhóm đối tượng 1 tại địa phương: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc thực hiện lồng ghép với nội dung các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng, an ninh; kiến thức quản lý nhà nước; học tập, quán triệt Nghị quyết của Đảng và cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu.

- Nhóm đối tượng 2 tại địa phương: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc tập trung 03 ngày/năm và cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu.

- Nhóm đối tượng 3 tại bộ, ngành và địa phương: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc tập trung 05 ngày/năm (6 chuyên đề giảng dạy và 9 chuyên đề tham khảo).

- Nhóm đối tượng 4 tại bộ, ngành và địa phương: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc tập trung 05 ngày/năm (6 chuyên đề giảng dạy và 8 chuyên đề tham khảo).

3.2. Tiếng dân tộc thiểu số

Tiếng dân tộc thiểu số được tổ chức cho nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4 ở cấp huyện, cấp xã tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số, theo hình thức bồi dưỡng trực tiếp và cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu.

4. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng

4.1. Kiến thức dân tộc

Ủy ban Dân tộc phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 4 nhóm đối tượng theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4.2. Tiếng dân tộc thiểu số

Nội dung chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số và các quy định hiện hành của nhà nước.

5. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số

Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành rà soát, xác định đối tượng, thống kê số lượng cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp theo dõi công tác dân tộc, chuyên trách làm công tác dân tộc thuộc 4 nhóm đối tượng; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2025 trình lãnh đạo bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Trong kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm, cần xác định rõ chỉ tiêu, nội dung, kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án, cụ thể như sau:

- Đối với bộ, ngành: Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025” của bộ, ngành (*Mẫu số 1 và Phụ lục số 1 kèm theo*). Kế hoạch đề nghị gửi về Ủy ban Dân tộc (thông qua Học viện Dân tộc) **trước ngày 10/6/2019** để tổng hợp.

- Đối với địa phương: Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025” của địa phương (*Mẫu số 2 và Phụ lục số 2 kèm theo*). Kế hoạch đề nghị gửi về Ủy ban Dân tộc (thông qua Học viện Dân tộc) **trước ngày 10/6/2019** để tổng hợp.

- Kinh phí thực hiện Đề án: Ngân sách nhà nước bố trí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Việc bố trí kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Việc lập dự toán thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 9127/BTC-HCSN ngày 31/7/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”, Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán,

quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

6. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số

6.1. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc

Ủy ban Dân tộc giao Học viện Dân tộc chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ, Học viện Hành chính Quốc gia, Trường chính trị các tỉnh, các cơ sở giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, Cơ quan làm công tác dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với nhóm đối tượng 2 ở địa phương; nhóm đối tượng 3 và đối tượng 4.

6.2. Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số

Ủy ban Dân tộc giao Học viện Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4 ở cấp huyện, cấp xã tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số.

6.3. Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số

Ủy ban Dân tộc giao Học viện Dân tộc quản lý phối hợp chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc; tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức ở các bộ, ngành, địa phương thuộc phạm vi của Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định hiện hành của nhà nước.

7. Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số

Giảng viên, báo cáo viên tham gia giảng dạy kiến thức dân tộc phải đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng viên được quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT ngày 06/6/2011 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc, chính sách đối với giảng viên tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7.1. Giảng viên, báo cáo viên giảng dạy kiến thức dân tộc

- Nhóm đối tượng 1: Giảng viên, báo cáo viên là các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; lãnh đạo Ủy ban Dân tộc, lãnh đạo bộ, ngành Trung ương.

- Nhóm đối tượng 2: Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo Ủy ban Dân tộc, lãnh đạo cấp bộ, ngành Trung ương, lãnh đạo cấp tỉnh, lãnh đạo cấp vụ; giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ có kinh nghiệm, hiểu biết về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, văn hóa dân tộc.

- Nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4: Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo cấp vụ, lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh; giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, giảng viên của Học viện Dân tộc, giảng viên của các cơ sở bồi dưỡng của bộ, ngành, địa phương có kinh nghiệm, hiểu biết về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, văn hóa dân tộc. Giảng viên, báo cáo viên giảng dạy kiến thức dân tộc đối với nhóm đối tượng 3 và đối tượng 4 được Học viện Dân tộc bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu trước khi tham gia giảng dạy.

7.2. Giảng viên, báo cáo viên giảng dạy tiếng dân tộc thiểu số

Giảng viên giảng dạy tiếng dân tộc thiểu số phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của nhà nước.

8. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết

Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện các nội dung của Quyết định 771/QĐ-TTg. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quyết định 771/QĐ-TTg hằng năm và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Hằng năm, các bộ, ngành, địa phương tổ chức đánh giá sơ kết kết quả thực hiện Quyết định 771/QĐ-TTg và gửi báo cáo về Ủy ban Dân tộc trước ngày 10 tháng 12 (thông qua Học viện Dân tộc, địa chỉ khu đô thị Dream Town, đường 70, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; Email: hocviendantoc@cema.gov.vn; Điện thoại 024.37913002).

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ đối với các bộ, ngành Trung ương và địa phương. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các bộ, ngành Trung ương và địa phương phản ánh bằng văn bản gửi về Ủy ban Dân tộc (thông qua Học viện Dân tộc) để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- BT, CNUBDT và các TT, PCN UBDT;
- Cơ quan làm công tác dân tộc địa phương;
- Các vụ, đơn vị trực thuộc UBDT;
- Công TTĐT của Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, TCCB, HVDT (3).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Đỗ Văn Chiến

BỘ/NGÀNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ,
công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”**

I. Căn cứ pháp lý xây dựng kế hoạch

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

III. Đối tượng

IV. Chương trình, tài liệu hình thức bồi dưỡng

1. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc

Sử dụng tài liệu do Ủy ban Dân tộc ban hành

2. Hình thức bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Nhóm đối tượng 1, nhóm đối tượng 2: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc thực hiện lồng ghép với nội dung các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng, an ninh; kiến thức quản lý nhà nước; học tập, quán triệt Nghị quyết của Đảng và cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu.

- Nhóm đối tượng 3: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc tập trung 05 ngày/năm (6 chuyên đề giảng dạy và 9 chuyên đề tham khảo).

- Nhóm đối tượng 4: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc tập trung 05 ngày/năm (6 chuyên đề giảng dạy và 8 chuyên đề tham khảo).

V. Kế hoạch thực hiện

(Phụ lục 1 kèm theo)

VI. Tổ chức thực hiện

Nơi nhận:

.....;
.....

BỘ TRƯỞNG/THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2018-2025

(Kèm theo Kế hoạch sốngày.... tháng... năm của)

TT	Nhóm đối tượng	Tổng số CBCCVC	Giai đoạn 2018-2020				Giai đoạn 2021-2025				Tổng số đến năm 2025				Ghi chú
			Số người	Số lớp	Đạt tỷ lệ %	Kinh phí	Số người	Số lớp	Đạt tỷ lệ %	Kinh phí	Số người	Số lớp	Đạt tỷ lệ %	Kinh phí	
1	Đối tượng 1			Không tổng hợp				Không tổng hợp					Không tổng hợp		
2	Đối tượng 2			Không tổng hợp				Không tổng hợp					Không tổng hợp		
3	Đối tượng 3														
4	Đối tượng 4														
	Tổng số														

Ghi chú: Cột "Đạt tỷ lệ % trong từng giai đoạn = Cột số người được cử bồi dưỡng trong từng giai đoạn/Cột tổng số CBCCVC của từng nhóm đối tượng" *he*

Người lập biểu

Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan

KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC DÂN TỘC VÀ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2018-2025

(Kèm theo Kế hoạch sốngày.... tháng... năm của)

TT	Nhóm đối tượng	Tổng số CBCCVC	Giai đoạn 2018-2020				Giai đoạn 2021-2025				Tổng số đến năm 2025				Ghi chú
			Số người	Số lớp	Đạt tỷ lệ %	Kinh phí	Số người	Số lớp	Đạt tỷ lệ %	Kinh phí	Số người	Số lớp	Đạt tỷ lệ %	Kinh phí	
I	BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC DÂN TỘC														
1	Đối tượng 1			Không tổng hợp				Không tổng hợp					Không tổng hợp		
2	Đối tượng 2														
3	Đối tượng 3														
4	Đối tượng 4														
	Tổng I														
II	BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ														
1	Đối tượng 3														
2	Đối tượng 4														
	Tổng II														

Ghi chú: Cột "Đạt tỷ lệ % trong từng giai đoạn = Cột số người được cử bồi dưỡng trong từng giai đoạn/Cột tổng số CBCCVC của từng nhóm đối tượng" *an*

Người lập biểu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ,
công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”**

I. Căn cứ pháp lý xây dựng kế hoạch

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

III. Đối tượng

IV. Chương trình, tài liệu và hình thức bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số

4.1. Chương trình, tài liệu và hình thức bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số sử dụng tài liệu do Ủy ban Dân tộc ban hành

4.2. Hình thức bồi dưỡng

a) Kiến thức dân tộc

- Nhóm đối tượng 1: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc thực hiện lồng ghép với nội dung các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng, an ninh; kiến thức quản lý nhà nước; học tập, quán triệt Nghị quyết của Đảng và cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu.

- Nhóm đối tượng 2: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc tập trung 03 ngày/năm và cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu.

- Nhóm đối tượng 3: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc tập trung 05 ngày/năm (6 chuyên đề giảng dạy và 9 chuyên đề tham khảo).

- Nhóm đối tượng 4: Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc tập trung 05 ngày/năm (6 chuyên đề giảng dạy và 8 chuyên đề tham khảo).

b) Tiếng dân tộc thiểu số

Tiếng dân tộc thiểu số được tổ chức cho nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4 ở cấp huyện, cấp xã tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số theo hình thức bồi dưỡng trực tiếp và cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu.

V. Kế hoạch thực hiện

(Phụ lục số 2 kèm theo)

VI. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc
2. Sở Nội vụ
3. Sở Tài chính
4. Sở Giáo dục và Đào tạo
5. Các Sở, ngành của tỉnh và UBND các thành phố, thị xã, huyện.

Nơi nhận:

.....;
.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(*Danh sách tỉnh, thành phố phát hành văn bản*). 490

Stt	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Ghi chú
1	An Giang	
2	Bạc Liêu	
3	Bắc Giang	
4	Bắc Kạn	
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	
6	Bình Định	
7	Bình Phước	
8	Bình Thuận	
9	Cao Bằng	
10	Cà Mau	
11	Cần Thơ	
12	Đắk Lắk	
13	Đắk Nông	
14	Điện Biên	
15	Đồng Nai	
16	Gia Lai	
17	Hà Giang	
18	Hà Tĩnh	
19	Hà Nội	
20	Hậu Giang	
21	Hòa Bình	
22	Hồ Chí Minh	
23	Khánh Hòa	
24	Kiên Giang	
25	Kon Tum	
26	Lai Châu	
27	Lào Cai	
28	Lạng Sơn	
29	Lâm Đồng	
30	Long An	
31	Nghệ An	
32	Ninh Bình	
33	Ninh Thuận	
34	Phú Thọ	
35	Phú Yên	
36	Quảng Bình	
37	Quảng Nam	
38	Quảng Ngãi	
39	Quảng Ninh	

40	Quảng Trị	
41	Sóc Trăng	
42	Sơn La	
43	Tây Ninh	
44	Thanh Hóa	
45	Thái Nguyên	
46	Thừa Thiên - Huế	
47	Trà Vinh	
48	Tuyên Quang	
49	Vĩnh Long	
50	Vĩnh Phúc	
51	Yên Bái	

Danh sách gồm: 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH
(*Danh sách bộ, ngành phát hành văn bản*). 490

Stt	Các bộ, ngành	Ghi chú
I	Các bộ	
1	Bộ Quốc phòng	
2	Bộ Công an	
3	Bộ Ngoại giao	
4	Bộ Tư pháp	
5	Bộ Tài chính	
6	Bộ Công Thương	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
8	Bộ Thông tin và Truyền thông	
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
12	Bộ Nội vụ	
13	Bộ Khoa học và Công nghệ	
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
16	Bộ Y tế	
17	Bộ Giao thông vận tải	
II	Cơ quan ngang bộ	
1	Văn phòng Chính phủ	
2	Thanh tra Chính phủ	
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
III	Cơ quan thuộc Chính phủ	
1	Đài Truyền hình Việt Nam	
2	Đài Tiếng nói Việt Nam	
3	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	
4	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	
IV	Cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương	
1	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	

Danh sách gồm: 25 bộ, ngành./.